



THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

INTERNATIONAL ENGLISH PROGRAM

Date of issue: May 28,, 2015

RESULTS FOR SEMESTER 2 SCHOOL YEAR 2014 - 2015

Class: Intermediate 1

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Read & Write	Literature	Geography	History	Economic	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Phạm Việt An	8.7	8.6	5.6	8.1	9.6	9.6			8.2		9.6		8.5	B
2	Liêu Thị Kim Chi	8.3	5.6	6.4	5.7	7.8	8.5			6.1		9.0		7.2	C
3	Vũ Nguyễn Phương Cơ	9.2	7.8	8.9	8.8	9.5	9.8			7.2		9.8		8.9	B
4	Woolger Jamie Denis	9.0	8.4	5.7	5.9	7.2	7.5			5.9		7.3		7.1	C
5	Nguyễn Hoàng Anh Duy	8.7	7.1	5.4	6.7	7.3	8.7			5.0		8.6		7.2	C
6	Trác Diễn Đồng	9.1	7.1	5.7	6.9	8.8	8.5			4.5		7.3		7.2	C
7	Trần Lê Đình Khang	9.2	7.4	8.9	8.5	9.4	9.4			9.0		9.4		8.9	B
8	Loo Shi Minh	9.2	9.3	9.5	8.8	9.6	10.0			9.9		9.8		9.5	A
9	Nguyễn Hiếu Ngân	8.3	5.5	6.0	7.2	8.5	8.1			7.3		9.4		7.5	C
10	Ngô Đức Nguyên	7.8	3.8	6.9	6.0	5.0	7.4			8.5		8.5		6.7	C
11	Ong Khánh Nhật	8.3	6.2	9.9	8.8	9.6	9.4			8.6		8.1		8.6	B
12	Huỳnh Phát	7.6	3.3	3.9	5.1	5.1	8.5			4.6		4.5		5.3	D
13	Phạm Dương Minh Quang	9.5	9.4	9.3	9.2	9.5	9.5			9.9		9.9		9.5	A
14	Ngô Kim Thái	7.8	6.2	6.3	5.7	6.3	7.8			6.1		6.3		6.6	C
15	Huỳnh Nguyễn Thanh Thảo	8.6	7.5	8.9	8.5	9.6	9.4			9.6		9.9		9.0	A
16	Trần Châu Ngọc Thảo	8.4	5.2	5.2	6.0	8.1	8.9			7.1		8.0		7.1	C
17	Trịnh Hiệp Thịnh	8.9	6.9	7.0	7.0	8.8	9.2			5.0		8.3		7.6	C
18	Đỗ Trần Minh Thư	9.5	8.6	9.1	9.0	9.5	9.8			8.5		9.9		9.2	A
19	Đỗ Quang Thụy	8.5	6.4	7.8	7.6	7.9	8.4			8.8		7.7		7.9	C
20	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8.8	7.2	6.4	7.1	9.4	8.0			7.6		8.6		7.9	C
21	Trương Thị Thảo Vy	8.4	5.7	6.7	7.1	6.8	8.3			7.2		7.7		7.2	C

Class Teacher

Phan Thi Thao

IP. Manager

Bieu Thuy Thoai My

Checked by

Pham Duc Quynh



THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

INTERNATIONAL ENGLISH PROGRAM

Date of issue: May 28,, 2015

RESULTS FOR SEMESTER 2 SCHOOL YEAR 2014 - 2015

Class: Intermediate 2

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Read & Write	Literature	Geography	History	Economic	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Lê Quốc Anh	7.3	5.4	4.5	4.1	2.8	7.7			4.4		5.0		5.2	D
2	Lư Bội Ân	8.3	7.5	4.4	7.4	7.9	6.8			6.9		6.4		7.0	C
3	Nguyễn Minh Dũng	8.2	5.4	3.9	6.3	2.7	7.7			4.9		4.4		5.4	D
4	Tô Thơ Đình	8.2	6.8	6.1	7.3	8.0	8.7			8.4		7.3		7.6	C
5	Lê Vũ Quỳnh Giang	9.2	8.7	8.3	9.0	9.5	9.7			9.1		8.9		9.1	A
6	Bùi Vương Gia Hân	8.7	6.8	4.9	6.7	8.8	8.4			7.8		7.9		7.5	C
7	Đàm Gia Hưng	8.4	6.0	3.6	6.7	5.5	7.9			5.8		5.3		6.2	D
8	Diệp Anh Khoa	8.3	7.4	5.4	7.2	8.8	9.0			8.2		6.0		7.5	C
9	Ngô Khánh Lạc	8.7	7.2	3.1	6.7	8.0	8.0			5.0		5.5		6.5	C
10	Thân Trọng Kim Ngân	9.1	8.2	5.5	8.1	9.3	8.8			7.3		7.7		8.0	B
11	Trần Lê Phương Nghi	8.6	6.0	4.5	5.4	8.0	7.2			6.5		6.4		6.6	C
12	Hỷ Quế Ngọc	8.3	5.8	4.8	7.4	7.7	7.6			7.4		6.9		7.0	C
13	Lê Ngọc Nhon	7.8	5.9	4.9	5.6	6.9	8.0			7.0		6.8		6.6	C
14	Phan Lâm Huỳnh Như	9.3	6.8	3.1	6.6	8.3	7.9			4.4		5.0		6.4	D
15	Nguyễn Anh Thư	7.1	4.5	3.6	3.8	3.6	7.2			3.8		3.7		4.7	F
16	Chiêm Nhựt Tiến	8.3	5.6	2.7	6.2	5.9	7.6			7.8		7.2		6.4	D
17	Bùi Minh Trung	8.7	5.3	3.8	6.3	7.4	8.1			6.8		6.4		6.6	C
18	Nguyễn Anh Tú	8.7	6.8	4.2	6.7	4.9	5.5			6.5		5.7		6.1	D
19	Phạm Phương Vy	8.1	6.3	4.3	5.9	6.7	7.3			6.3		6.0		6.4	D
20	Đèo Ngọc Thảo Vy	7.9	5.2	4.4	5.9	4.6	6.6			5.1		4.2		5.5	D
21	Võ Quốc Huy	9.3	8.5	5.1	7.6	8.5	9.6			9.8		9.3		8.5	B

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Tinh

Bieu Thuy Thoai My

Pham Duc Quynh



RESULTS FOR SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2014 - 2015

Class: Intermediate 3

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Read & Write	Literature	Geography	History	Economic	Math	Biology	Physics	Chenistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Nguyễn Phan Quỳnh Anh	9.8	8.5	9.1	7.9	9.6	9.7			9.7		9.7		9.3	A
2	Nguyễn Hoàng Châu	8.6	7.3	6.8	7.9	8.8	9.3			9.9		8.8		8.4	B
3	Lâm Kha Thành Công	8.4	7.5	7.9	7.3	8.4	9.1			7.5		9.3		8.2	B
4	Nguyễn Long Đức	8.2	7.4	7.5	7.0	8.4	9.0			8.2		9.7		8.2	B
5	Lê Thị Hồng Gấm	9.3	6.9	7.6	8.2	9.3	9.4			7.8		8.9		8.4	B
6	Trương Nguyên Hòa	8.9	8.8	6.2	8.0	9.0	9.8			8.4		8.9		8.5	B
7	Trần Quang Huy	8.4	7.6	7.9	8.3	9.8	9.7			9.8		9.8		8.9	B
8	Trần Đình Hy	7.9	7.7	4.9	6.3	6.9	7.5			6.4		7.7		6.9	C
9	Ngô Quang Khải	9.3	9.3	8.1	8.6	9.1	9.5			9.7		9.6		9.2	A
10	Đoàn Bảo Khanh	9.5	8.1	9.5	9.0	10.0	9.6			9.8		9.7		9.4	A
11	Nguyễn Quốc Khánh	9.3	8.0	7.7	8.4	9.3	9.2			7.3		9.3		8.6	B
12	Phạm Trọng Khôi	9.3	9.4	9.3	9.0	10.0	9.6			10.0		10.0		9.6	A
13	Nguyễn Thanh Long	9.1	7.5	7.7	8.5	9.1	9.7			9.4		9.4		8.8	B
14	Nguyễn Phương Mai	9.0	8.5	8.5	7.6	9.2	9.8			7.6		9.7		8.7	B
15	Huỳnh Trung Nguyên	8.5	7.9	7.5	8.3	9.3	9.6			9.8		9.2		8.8	B
16	Nguyễn Võ Tâm Như	9.0	8.7	8.6	9.2	9.3	9.9			9.6		9.7		9.3	A
17	Nguyễn Hoàng Oanh	9.3	8.9	5.9	8.5	9.2	9.9			9.5		8.7		8.7	B
18	Giang Ngọc Phương	8.9	8.6	9.8	8.2	9.5	10.0			9.9		9.7		9.3	A
19	Nguyễn Lê Vân Quỳnh	8.1	7.0	5.5	6.9	8.2	8.8			7.2		7.5		7.4	C
20	Tiêu Hữu Thành	8.6	7.4	5.6	6.7	7.2	8.8			8.7		9.6		7.8	C
21	Nguyễn Trần Ánh Thơ	9.3	7.9	9.8	8.4	9.5	9.9			9.5		9.7		9.3	A
22	Nguyễn Thị Thủy Tiên	9.3	8.5	9.6	8.7	9.4	9.9			9.8		9.7		9.4	A

Class Teacher

Tran Thi Thanh Hien

IP. Manager

Bieu Thuy Thoai My

Checked by

Pham Duc Quynh



RESULTS FOR SEMESTER 2 SCHOOL YEAR 2014 - 2015

Class: Intermediate 4

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Read & Write	Literature	Geography	History	Economic	Math	Biology	Physics	Chenistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Lê Quốc Duy	8.8	6.7	4.6	8.2	8.5	9.5			5.1		6.7		7.3	C
2	Nguyễn Tiến Đạt	8.6	5.6	5.4	6.3	6.7	7.5			8.3		6.4		6.9	C
3	Đoàn Phi Long Hải	8.8	6.4	7.8	7.4	8.8	8.9			8.1		9.3		8.2	B
4	Lương Khả Hân	8.8	6.8	7.4	8.4	9.5	9.4			9.5		9.3		8.6	B
5	Huỳnh Tú Hiền	9.4	8.4	9.5	8.9	9.6	9.6			9.2		9.6		9.3	A
6	Khuru Nguyễn Anh Khôi	8.7	7.3	6.1	8.0	8.1	9.0			6.2		8.8		7.8	C
7	Huỳnh Thị Minh Mẫn	9.4	7.6	9.0	9.0	9.9	10.0			8.4		9.8		9.1	A
8	Cao Nguyễn Hồng Minh	9.6	8.1	5.6	8.1	9.3	9.5			7.4		9.0		8.3	B
9	Huang Ngạn Nghiêu	8.5	5.2	4.1	6.9	8.6	8.4			8.0		8.5		7.3	C
10	Ninh Văn Hoàng Phước	8.8	6.2	6.9	8.1	7.5	8.5			8.3		6.8		7.6	C
11	Lâm Cao Phương	9.3	6.0	7.7	8.4	9.0	9.4			8.7		8.3		8.4	B
12	Đỗ Khiết Quân	9.5	8.2	8.6	9.2	9.7	9.4			9.2		9.2		9.1	A
13	Đặng Nguyễn Quang Sĩ	7.9	6.0	5.1	7.3	8.9	8.4			6.0		7.9		7.2	C
14	Phan Thành Thái	8.3	6.7	7.6	7.6	7.4	8.0			7.0		7.3		7.5	C
15	Quách Phú Thành	8.5	8.0	5.5	8.2	9.4	9.7			9.0		6.7		8.1	B
16	Nguyễn Hoàng Minh Thông	8.2	6.3	6.2	7.1	9.4	8.7			8.3		7.8		7.8	C
17	Lê Long Triều	8.7	6.9	4.8	6.9	8.2	8.8			8.5		7.5		7.5	C
18	Lý Tú Văn	8.1	4.5	5.7	6.8	8.3	9.3			7.8		8.0		7.3	C
19	Phan Nhật Vi	8.2	5.9	5.3	7.3	8.4	8.5			7.5		8.1		7.4	C
20	Nguyễn Thị Tường Vy	9.5	7.1	8.4	8.1	9.8	9.8			7.9		9.1		8.7	B
21	Dư Ngọc Yến	9.5	7.8	6.0	8.0	8.8	8.2			5.0		6.2		7.4	C

Class Teacher

Ho thi Duyen

IP. Manager

Bieu Thuy Thoai My

Checked by

Pham Duc Quynh



RESULTS FOR SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2014 - 2015

Class: Intermediate 5

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Read & Write	Literature	Geography	History	Economic	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Hoàng Thế Duy	9.4	7.3	5.9	8.0	9.4	9.6			7.1		9.3		8.3	B
2	Nguyễn Hải Hoàng Duy	7.1	5.6	3.5	4.1	5.3	5.3			7.0		5.5		5.4	D
3	Nguyễn Hồng Vi Duyên	9.2	7.3	8.9	8.5	9.6	9.7			9.7		9.6		9.1	A
4	Nguyễn Anh Đào	9.5	8.4	9.0	9.3	9.8	9.3			9.5		9.9		9.3	A
5	Phùng Gia Hân	9.6	8.0	7.7	8.1	9.5	9.7			9.1		9.9		9.0	A
6	Nguyễn Đăng Gia Huy	9.0	7.4	6.7	8.0	9.5	9.1			8.7		9.9		8.5	B
7	Trần Quang Huy	8.2	6.4	2.4	5.7	6.7	7.9			6.1		6.5		6.2	D
8	Nguyễn Huy Nhứt Huỳnh	8.8	6.2	4.6	7.1	8.0	8.9			7.9		7.2		7.3	C
9	Tất Gia Kiệt	9.2	7.1	5.7	7.8	8.1	9.0			8.1		8.5		7.9	C
10	Nguyễn Hoàng Kim	9.4	6.9	2.7	6.0	6.7	7.0			4.6		5.1		6.1	D
11	Hoàng Thị Thanh Lam	9.2	8.8	9.1	8.3	9.8	9.5			9.9		10.0		9.3	A
12	Lê Ngọc Thùy Linh	9.4	7.1	3.4	6.2	7.7	8.6			6.0		4.5		6.6	C
13	Lý Kim Ngân	3.9	3.7	2.4	3.1	2.9	4.1			5.2		5.7		3.9	F
14	Vũ Bảo Ngọc	8.5	9.0	5.3	8.3	8.2	8.2			7.9		9.3		8.1	B
15	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	8.6	6.7	2.7	7.1	7.8	7.7			5.0		5.3		6.4	D
16	Lâm Đại Phát	5.0	3.2	2.0	4.0	2.3	5.2			4.5		4.2		3.8	F
17	Lâm Hưng Phước	9.2	8.3	4.3	8.4	9.0	9.2			7.1		7.8		7.9	C
18	Phạm Đức Ngân Quân	8.1	5.2	2.7	6.3	7.1	6.4			5.2		4.0		5.6	D
19	Trần Lê Duy Thiện	8.0	6.2	3.8	7.4	8.3	8.6			7.2		7.0		7.1	C
20	Phùng Thị Thủy Tiên	8.2	5.4	3.7	5.2	7.8	4.4			5.6		4.3		5.6	D
21	Hồ Ngọc Cẩm Tú	9.2	6.1	4.6	7.4	9.2	8.7			8.5		9.5		7.9	C

Class Teacher

Truong Thi Thanh Thao

IP. Manager

Bieu Thuy Thoai My

Checked by

Pham Duc Quynh



RESULTS FOR SEMESTER 2 SCHOOL YEAR 2014 - 2015

Class: Intermediate 6

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Read & Write	Literature	Geography	History	Economic	Math	Biology	Physics	Chenistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Bùi Lê Phương My	9.5	9.1	8.7	9.7	9.7	9.7			9.2		9.8		9.4	A
2	Đông Thái Hân	9.2	7.6	7.5	9.1	9.5	9.3			9.4		9.6		8.9	B
3	Phạm Lê Tuấn Kiệt	8.8	5.2	4.5	6.6	7.2	8.9			5.4		6.4		6.6	C
4	Phó Thục Linh	8.7	7.0	7.3	8.7	9.6	9.4			9.7		9.8		8.8	B
5	Lưu Uyên Mi	9.4	6.0	5.1	8.2	7.8	8.1			5.0		7.9		7.2	C
6	Đàm Tuấn Minh	9.8	8.6	8.8	9.2	9.9	9.5			10.0		10.0		9.5	A
7	Nguyễn Ngọc Phương Ngân	8.9	6.5	5.5	8.6	8.8	8.7			7.0		4.2		7.3	C
8	Lương Cẩm Nghi	9.2	6.3	6.5	8.2	9.1	8.8			8.6		8.9		8.2	B
9	Trần Hạo Nguyên	9.8	8.7	9.2	9.6	9.6	9.7			9.9		9.7		9.5	A
10	Nguyễn Linh San	9.5	6.9	7.8	9.2	9.7	9.4			8.2		8.8		8.7	B
11	Trịnh Phước Sang	7.9	4.2	3.3	6.0	6.0	8.3			5.5		4.4		5.7	D
12	Trần Đàm Trung Thái	9.4	8.3	8.1	9.2	9.4	9.5			9.4		9.7		9.1	A
13	Đinh Song Ngọc Long Thiên	8.9	5.6	4.1	6.5	5.0	8.0			3.6		6.1		6.0	D
14	Lai Kim Toàn	8.6	6.5	6.8	8.8	8.8	9.5			8.7		9.6		8.4	B
15	Lê Thị Thu Trang	8.6	5.6	4.3	8.3	8.1	9.1			7.8		7.5		7.4	C
16	Lê Minh Trí	6.7	4.9	3.4	7.2	4.3	7.2			5.3		5.4		5.6	D
17	Đoàn Minh Trị	7.5	7.1	3.3	5.9	5.9	8.4			3.6		5.5		5.9	D
18	Ngô Tiến Vĩ	9.3	7.9	7.0	9.5	9.3	9.7			9.5		9.8		9.0	A
19	Nguyễn Trúc Vy	9.2	6.0	7.2	9.1	9.3	9.7			7.7		9.0		8.4	B
20	Lê Thị Mỹ Xuân	9.3	5.9	6.7	8.7	8.8	9.3			8.5		7.0		8.0	B

Class Teacher

Nguyen Ha Trang

IP. Manager

Bieu Thuy Thoai My

Checked by

Pham Duc Quynh



RESULTS FOR SEMESTER 2 SCHOOL YEAR 2014 - 2015

Class: Intermediate 7

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Read & Write	Literature	Geography	History	Economic	Math	Biology	Physics	Chenistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Diệp Ngọc Quốc Bao	8.9	7.4	6.5	8.0	7.6	8.0			9.1		9.4		8.1	B
2	Trương Hồng Bảo	5.5	4.9	4.3	6.2	1.8	7.1			5.4		4.3		4.9	F
3	Trang Ngọc Châu	8.0	6.2	4.6	8.1	8.6	8.4			8.0		9.5		7.7	C
4	Huỳnh Khải Diệu	9.0	8.1	6.8	8.6	8.4	9.2			9.2		9.4		8.6	B
5	Tô Khả Hân	7.6	5.4	4.3	7.5	4.9	7.0			8.0		6.9		6.5	C
6	Nguyễn Minh Hoàng	7.9	6.3	4.9	7.1	6.9	7.6			7.8		7.8		7.0	C
7	Từ Vũ Huy Hoàng	9.1	7.8	6.2	8.8	7.7	9.0			7.3		9.2		8.1	B
8	Đình Ngọc Khánh	9.1	8.9	9.0	8.9	9.6	9.7			9.8		9.7		9.3	A
9	Hoàng Đức Khánh	9.2	7.4	6.1	8.2	8.9	8.2			8.9		9.4		8.3	B
10	Lê Nguyên Khoa	8.9	5.7	3.6	6.3	5.6	6.9			5.2		6.1		6.0	D
11	Hồ Tấn Lâm	9.8	8.7	6.5	9.2	9.5	9.1			8.4		9.6		8.9	B
12	Lưu Mỹ Liên	8.4	5.8	6.2	7.2	8.4	8.7			7.0		7.0		7.3	C
13	Nguyễn Dương Quỳnh Nhi	9.6	8.9	8.9	8.7	9.4	9.7			9.9		9.9		9.4	A
14	Đỗ Nguyễn Tấn Phát	9.4	7.7	5.8	7.5	8.0	8.4			8.0		9.5		8.0	B
15	Giãn Phong Phú	7.1	5.6	3.2	7.7	3.7	6.1			4.8		5.6		5.5	D
16	Ngô Tiên Sinh	9.1	7.0	6.0	8.1	7.6	9.1			7.4		8.0		7.8	C
17	Phạm Thái Minh Tâm	8.6	7.9	6.3	8.1	8.0	8.6			8.7		7.8		8.0	B
18	Huỳnh Bảo Trí	8.7	7.8	4.6	7.7	7.1	8.9			7.4		8.5		7.6	C
19	Lâm Thụy Tường Vân	9.5	7.9	5.6	8.8	9.6	9.2			8.5		8.3		8.4	B
20	Cao Thanh Vy	8.6	6.4	7.2	7.9	8.7	9.3			8.8		9.9		8.4	B
21	Hoàng Ngọc Yến Vy	9.4	8.5	6.7	8.5	8.5	8.8			9.5		9.5		8.7	B
22	Nguyễn Khánh Bảo Vy	8.4	6.2	4.9	7.9	8.2	8.4			6.6		8.5		7.4	C

Class Teacher

Nguyen Thi Thanh Nguyen

IP. Manager

Bieu Thuy Thoai My

Checked by

Pham Duc Quynh



RESULTS FOR SEMESTER 2 SCHOOL YEAR 2014 - 2015

Class: Intermediate 8

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Read & Write	Literature	Geography	History	Economic	Math	Biology	Physics	Chenistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Đỗ Thụy An	9.1	5.9	6.6	8.3	9.8	9.6			8.6		9.2		8.4	B
2	Hồ Tấn Đạt	8.3	4.7	3.9	6.3	6.5	7.6			4.4		6.9		6.1	D
3	Diêu Chi Đình	9.6	7.8	8.0	8.8	9.9	9.7			9.5		10.0		9.2	A
4	Lâm Mỹ Duyên	9.6	7.5	7.7	8.8	9.8	9.6			8.4		9.3		8.8	B
5	Phan Nguyễn Gia Huy	8.7	5.9	3.3	6.4	5.9	5.8			4.2		4.4		5.6	D
6	Mai Minh Khôi	9.1	6.6	5.1	7.9	8.6	9.0			7.9		9.4		8.0	B
7	Trần Lâm	7.9	6.1	4.3	6.8	7.5	9.3			7.6		7.8		7.2	C
8	Nguyễn Hải Long	8.7	5.6	3.5	6.3	5.5	7.2			4.5		6.8		6.0	D
9	Lê Hoàng Long	8.5	6.5	4.5	7.9	7.4	8.9			8.5		8.6		7.6	C
10	Nguyễn Phan Thành Long	9.9	7.0	8.1	8.8	9.9	9.9			9.7		10.0		9.2	A
11	Nguyễn Phúc Minh	9.4	6.1	4.1	8.2	7.4	8.4			6.4		8.8		7.4	C
12	Hồ Thanh Nhân	9.9	6.8	7.8	8.8	8.8	9.9			9.9		9.6		8.9	B
13	Nguyễn Quang Nhật	7.2	5.1	5.4	6.9	7.7	8.0			6.8		5.4		6.6	C
14	Trần Phú	9.4	5.1	8.0	8.4	9.9	9.7			8.9		9.4		8.6	B
15	Nguyễn Tuấn Nam Phương	8.7	5.7	6.7	6.8	8.4	9.1			6.5		6.9		7.4	C
16	Nguyễn Hữu Phúc Tín	9.1	6.9	4.7	7.8	7.2	9.8			7.1		6.5		7.4	C
17	Trần Minh Trang	9.5	7.5	7.6	8.7	10.0	9.8			7.9		9.6		8.8	B
18	Nguyễn Anh Tuấn	8.1	4.7	4.0	6.8	5.3	7.5			5.2		5.7		5.9	D
19	Đào Khả Tuệ	8.3	6.0	7.4	7.3	8.5	8.2			7.4		8.2		7.7	C
20	Ô Đạt Vinh	9.1	6.6	8.2	8.7	9.8	9.5			9.4		9.8		8.9	B
21	Lê Vy	8.6	5.6	6.5	6.1	7.0	7.1			6.9		7.0		6.9	C

Class Teacher

Tran Thi Tranh

IP. Manager

Bieu Thuy Thoai My

Checked by

Pham Duc Quynh



RESULTS FOR SEMESTER 2 SCHOOL YEAR 2014 - 2015

Class: Intermediate 9

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Read & Write	Literature	Geography	History	Economic	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Bùi Phương Anh	8.7	6.8	6.3	8.3	8.9	9.6			9.3		9.2		8.4	B
2	Đỗ Hải Anh	9.4	8.3	8.8	8.9	9.6	9.4			8.8		10.0		9.2	A
3	Nguyễn Quốc Thiên Anh	9.0	8.6	9.0	8.8	9.3	10.0			9.9		9.4		9.3	A
4	Phạm Quỳnh Giao	9.8	8.7	8.9	8.4	10.0	10.0			9.9		10.0		9.5	A
5	Quách Tuấn Kiệt	8.6	7.4	3.8	5.5	8.4	8.9			5.3		7.5		6.9	C
6	Châu Phát Lân	9.0	8.0	6.9	7.7	7.7	9.4			7.7		7.9		8.0	B
7	Hà Phi Long	9.0	5.9	5.4	6.3	6.9	9.1			6.2		6.9		7.0	C
8	Lạc Quốc Nguyên	8.9	8.9	6.2	7.9	8.6	9.3			9.1		9.0		8.5	B
9	Chung Nhất Như	9.3	7.5	8.5	8.1	10.0	10.0			9.8		10.0		9.2	A
10	Lê Thiên Phúc	9.1	8.4	8.8	8.6	9.0	9.4			9.5		9.7		9.1	A
11	Triệu Ngọc Quỳnh	8.8	7.8	7.7	8.0	9.0	9.4			7.3		8.7		8.3	B
12	Lữ Kim Thanh	9.3	6.8	8.4	8.0	9.6	9.8			9.0		10.0		8.9	B
13	Đoàn Ngô Phương Thảo	8.2	7.4	7.3	7.8	9.6	10.0			8.5		9.3		8.5	B
14	Eddie O.S Nadine Trần	8.7	8.6	8.1	9.2	9.6	9.0			9.5		9.7		9.1	A
15	Bùi Minh Luân	8.0	6.7	4.7	4.9	6.3	8.6			4.8		6.5		6.3	D
16	Nguyễn Trung Nguyên	7.7	6.8	6.7	6.7	7.5	8.7			6.2		8.5		7.4	C
17	Trần Anh Nguyên	8.2	8.0	4.9	7.3	6.8	9.1			5.6		7.4		7.2	C
18	Nguyễn Trần Kim Xuân	9.3	7.1	7.3	7.8	9.9	10.0			7.8		9.0		8.5	B
19	Lưu Võ Kim Vân	7.9	5.3	7.4	7.5	7.3	8.6			6.4		7.7		7.3	C
20	Quách Gia Hoàng	7.0	5.5	2.9	5.0	4.3	7.8			3.4		3.8		5.0	D
21	Dương Hiền Thông	8.3	8.1	7.7	7.3	9.0	9.1			5.7		6.5		7.7	C
22	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	6.1	5.8	6.6	5.6	5.5	8.6			6.3		6.7		6.4	D

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Phan Thi Luan

Bieu Thuy Thoai My

Pham Duc Quynh



RESULTS FOR SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2014 - 2015

Class: Intermediate 10

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Read & Write	Literature	Geography	History	Economic	Math	Biology	Physics	Chenistry		
														GPA	Ranking
1	Huỳnh Châu An	9.1	7.4	4.3	6.5	8.5	8.9			6.1		6.1		7.1	C
2	Lê Duy Bách	9.1	7.8	7.4	9.1	9.4	9.3			8.1		8.9		8.6	B
3	Nguyễn Gia Bảo	9.1	8.4	7.3	8.5	9.9	10.0			9.5		9.8		9.1	A
4	Liên Gia Bửu	8.4	4.0	3.7	5.8	6.6	9.0			6.6		5.6		6.2	D
5	Châu Lệ Di	8.6	6.9	6.3	7.8	9.5	9.6			8.2		7.9		8.1	B
6	Đào Gia Hân	8.2	7.6	4.7	7.2	8.2	9.1			8.3		8.5		7.7	C
7	Nguyễn Duy Long	9.9	9.8	7.3	9.0	9.4	10.0			9.8		9.8		9.4	A
8	Lưu Kim Ngân	9.3	8.5	7.6	9.2	9.7	9.0			9.0		9.5		9.0	A
9	Đỗ Thị Mỹ Phương	7.7	3.8	4.1	6.5	6.2	7.3			6.0		4.2		5.7	D
10	Trần Long Phụng	9.4	8.0	6.0	7.8	9.1	9.4			6.8		9.0		8.2	B
11	Nguyễn Minh Quang	9.0	8.2	4.9	8.2	8.7	9.7			7.0		7.9		8.0	B
12	Lê Ngọc Thanh	9.6	7.4	5.6	8.6	9.8	10.0			6.6		9.2		8.4	B
13	Lý Thanh Vân	9.0	6.0	4.5	6.4	8.2	10.0			5.8		6.5		7.1	C
14	Trần Quang Huy	8.2	4.0	2.7	4.6	3.9	6.7			4.5		6.6		5.2	D
15	Ngô Chí Hiếu	8.5	4.4	5.3	4.2	6.5	9.2			7.7		6.7		6.6	C
16	Ngô Minh Tiến	5.7	3.7	3.0	4.6	5.1	9.7			6.2		6.5		5.6	D
17	Bành Ngọc Thanh	9.6	7.6	7.5	8.7	10.0	9.4			7.9		9.8		8.8	B
18	Lâm Bảo Thiên Phúc	9.1	7.1	3.5	5.6	6.4	5.6			4.6		4.0		5.7	D

Class Teacher

Nguyen Thi Ha

IP. Manager

Bieu Thuy Thoai My

Checked by

Pham Duc Quynh